



**CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31/12/2012**

**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Được kiểm toán bởi

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, P.Đa Kao, Q.1, TP.Hồ Chí Minh-Tel: (84.8)38205944 fax: (84.8)38205942

E-mail:infor@aascs.com.vn Website:www.aascs.com.vn

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH	07 - 07
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	08 - 11
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	12 - 12
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13 - 14
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	15 - 35



**CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI**

270A Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám Đốc CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**CÔNG TY**

CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI là doanh nghiệp được chuyển đổi theo Quyết định số 470/QĐ-TCBD ngày 07 tháng 6 năm 2002 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Bưu điện (nay là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam) về việc chuyển Xí nghiệp Khoa học sản xuất thiết bị thông tin II thành Công ty cổ phần. Công ty đăng ký kinh doanh lần đầu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302826473 (số cũ là 4103001330) ngày 02 tháng 12 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh từ lần thứ 2 đến lần thứ 07 về việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 ngày 18 tháng 04 năm 2012 về đăng ký hoạt động của Công ty như sau :

Trụ sở : 270A Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 38.655.343

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : 30.000.000.000 VND

Trong đó:

<b>Cổ đông</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Vốn góp (VND)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
- Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam	1.015.000	10.150.000.000	33,83%
- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	290.000	2.900.000.000	9,67%
- Cổ đông khác	1.695.000	16.950.000.000	56,50
<b>Cộng</b>	<b>3.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**Mã chứng khoán giao dịch:** KST . Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội, từ ngày 29 tháng 12 năm 2010.

**Ngành, nghề kinh doanh:** Sản xuất và lắp ráp các loại thiết bị viễn thông, điện tử, tin học và kinh doanh phần mềm tin học. Xây lắp, bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị viễn thông, tin học và điện tử. Chuyển giao công nghệ ngành viễn thông, tin học và điện tử. Kinh doanh vật tư, thiết bị và sản phẩm ngành viễn thông, tin học và điện tử. Dịch vụ viễn thông, tin học công cộng trong nước và quốc tế. Xác định tình trạng kỹ thuật thiết bị viễn thông, tin học và điện tử. Xây dựng các công trình viễn thông, tin học và điện tử. Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Lắp đặt, bảo trì, sửa chữa hệ thống điện lạnh, điện công nghiệp và dân dụng, hệ thống viễn thông, mạng máy tính (trừ tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Sửa chữa nhà. Trang trí nội thất, ngoại thất. Cho thuê nhà ở, văn phòng. Mua bán vật tư thiết bị điện, máy phát điện, hàng điện lạnh. Mua bán, bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô, xe có động cơ, xe gắn máy, máy móc - phụ tùng - các bộ phận phụ trợ của xe ô tô, xe gắn máy, máy móc ngành xây dựng.

Cho thuê thiết bị mạng - viễn thông - tin học - điện - điện tử và điện lạnh. Mua bán vật liệu xây dựng. Tư vấn xây dựng (trừ kinh doanh dịch vụ thiết kế công trình, giám sát thi công và khảo sát xây dựng). Tư vấn lập dự án đầu tư. Tư vấn đấu thầu. Lập tổng dự toán, dự toán công trình. Quản lý dự án. Kiểm định chất lượng công trình xây dựng (đánh giá sự cố, lập phương án xử lý). Sản xuất, gia công và lắp đặt

29-C  
TY  
HỮU HẠN  
Ứ VẤN  
KẾ TOÁN  
TOÁN  
NAM  
HỒ CHÍ MINH

**CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI**

270A Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh

các sản phẩm cơ khí, trụ tháp ăng ten (không hoạt động tại trụ sở). Môi giới thương mại. Cho thuê kho bãi. Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô, vận chuyển hàng khách bằng ô tô theo hợp đồng. Cung cấp dịch vụ truy nhập Internet (ISP) , cung cấp các dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông (OSP). Bổ sung: Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng - công nghiệp. Thiết kế hệ thống hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng - công nghiệp. Giám sát lắp đặt thiết bị công nghệ thông tin liên lạc. Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan: Điện và điện tử; công nghiệp và hệ thống, kỹ thuật an toàn.

**Người đại diện theo Pháp luật :** Bà Lương Ngọc Hương - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

**Các đơn vị trực thuộc :**- **Chi nhánh Công ty Cổ phần Kasati tại Hà Nội**

104 Hoàng Văn Thái, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà nội

Mã số thuế: 0302826473-001

- **Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử tại Đà Nẵng**

23 Duy Tân, Phường Hoà Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Mã số thuế: 0302826473-002

**Công Ty con :** 01 công ty

Tên Công ty : CÔNG TY CP DỊCH VỤ TRỢ GIÚP THƯƠNG MAI KHANG AN

Địa chỉ : 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, Quận 10, TP.HCM

Giấy phép thành lập : Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008572 ngày 27 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Tỷ lệ quyền biểu quyết : 52,17%

Tỷ lệ lợi ích : 52,17%

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính của văn phòng Công ty đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 35), và được tóm lược như sau:

- Lợi nhuận sau thuế	Năm 2012	810.328.695 VND
	Năm 2011	(2.041.884.213) VND
- Lợi nhuận chưa phân phối	Tại ngày 31/12/2012	1.648.790.238 VND
	Tại ngày 31/12/2011	1.578.829.148 VND

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 26 tháng 04 năm 2012 như sau:

Nội dung	Số tiền
- Trích lập quỹ dự phòng tài chính	60.341.457 VND
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	308.026.148 VND
- Thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	372.000.000 VND

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
- Bà Lương Ngọc Hương	Chủ tịch	28/07/2006
- Ông Đỗ Quang Khánh	Phó Chủ tịch	10/05/2011
- Ông Lê Phước Hiền	Ủy viên thường trực	10/05/2011
- Ông Lê Minh Trí	Ủy viên	28/07/2006
- Bà Nguyễn Thị Hồng Mai	Ủy viên	10/05/2011

**Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
- Bà Nguyễn Thị Thu Nga	Trưởng ban kiểm soát	10/05/2011
- Bà Trần Thị Ngọc Duyên	Thành viên	10/05/2011
- Ông Đinh Hàn Giang	Thành viên	26/04/2012

**Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng:**

Họ và tên	Chức vụ	Quyết định bổ nhiệm	Ngày bổ nhiệm
- Bà Lương Ngọc Hương	Tổng Giám đốc	02/QĐ-HĐQT,	30/07/2006
- Ông Lê Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc	03/QĐ-HĐQT,	30/07/2006
- Ông Phan Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	04/QĐ-HĐQT,	30/07/2006
- Ông Lê Phước Hiền	Phó Tổng Giám đốc	07/HĐQT-KST,	18/12/2012
- Ông Nguyễn Long	Kế Toán Trưởng	07/QĐ-H ĐQT,	27/09/2011

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám Đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI**

270A Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính văn phòng Công ty phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính văn phòng Công ty, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán áp dụng, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

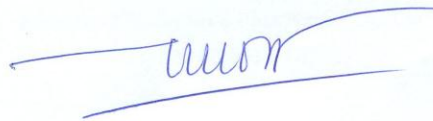
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính văn phòng Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính năm 2012 của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty đính kèm. Báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với Bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Người ký phê duyệt  
**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**



**LƯƠNG NGỌC HƯƠNG**

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 15 tháng 03 năm 2013

**TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



The red circular stamp contains the following text: "M.S.D N:03028/2013-C.T.C", "CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI", and "QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH".

**LƯƠNG NGỌC HƯƠNG**



Số : 204...../BCKT/TC**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
**VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012****Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI được lập ngày 15 tháng 03 năm 2013 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 35.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính Văn phòng Công ty trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến:**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Văn phòng Công ty Cổ phần Kasati tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2013**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)****TỔNG GIÁM ĐỐC****ĐỖ KHẮC THANH**

Chứng chỉ KTV số: Đ0064 /KTV

**KIỂM TOÁN VIÊN****NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC**

Chứng chỉ KTV số: 1091 /KTV

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### VĂN PHÒNG CÔNG TY

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>62.707.548.533</b>	<b>65.365.781.906</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110		<b>3.081.307.973</b>	<b>4.366.474.931</b>
1. Tiền	111	V.01	3.081.307.973	4.366.474.931
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120		<b>1.406.859.002</b>	
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	1.406.859.002	
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		<b>46.711.252.323</b>	<b>48.352.489.070</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.03	32.031.951.075	33.388.844.189
2. Trả trước cho người bán	132		238.640.920	210.648.544
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.04	12.920.579.062	12.082.561.074
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	V.05	1.520.081.266	2.670.435.263
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140		<b>9.535.303.779</b>	<b>9.806.187.178</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.06	9.535.303.779	9.806.187.178
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		<b>1.972.825.456</b>	<b>2.840.630.727</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	89.738.309	186.305.682
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Giao dịch mua bán trái phiếu Chính phủ				
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.08	1.883.087.147	2.654.325.045



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		<b>9.200.759.176</b>	<b>10.018.256.051</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	220		<b>2.087.269.643</b>	<b>2.845.142.865</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	2.087.269.643	2.831.399.084
- Nguyên giá	222		37.989.629.704	38.945.305.360
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(35.902.360.061)	(36.113.906.276)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10		13.743.781
- Nguyên giá	228		36.365.959	36.365.959
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(36.365.959)	(22.622.178)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	250	V.11	<b>5.045.000.000</b>	<b>4.800.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		4.800.000.000	4.800.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258		245.000.000	
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	260		<b>2.068.489.533</b>	<b>2.373.113.186</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	2.068.489.533	2.373.113.186
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>71.908.307.709</b>	<b>75.384.037.957</b>

501122  
CÔNG TY  
CHÍNH KẾ  
H VỤ TƯ  
KIỂM T  
PHÍA NA  
- TP. HỒ

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A . NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>19.687.670.314</b>	<b>23.293.703.109</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>19.687.670.314</b>	<b>23.227.257.059</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13		5.611.577.457
2. Phải trả người bán	312	V.14	6.727.412.817	3.764.621.658
3. Người mua trả tiền trước	313		35.200.736	46.332.047
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	682.580.062	2.546.047.072
5. Phải trả người lao động	315		522.596.000	22.821.184
6. Chi phí phải trả	316	V.16	2.285.745.349	221.190.000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.17	9.290.910.106	10.155.418.545
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	143.225.244	859.249.096
12. Giao dịch mua bán trái phiếu Chính phủ	327			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			<b>66.446.050</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			66.446.050
<b>B . VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>52.220.637.395</b>	<b>52.090.334.848</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.19	<b>52.220.637.395</b>	<b>52.090.334.848</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		29.960.100.000	29.960.100.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.980.050.000	9.980.050.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.674.266.808	8.674.266.808
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.938.201.346	1.877.859.889
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		19.229.003	19.229.003
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.648.790.238	1.578.829.148
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>71.908.307.709</b>	<b>75.384.037.957</b>



## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### VĂN PHÒNG CÔNG TY

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

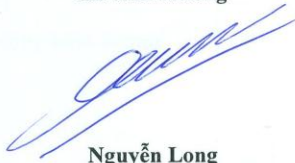
Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại USD		453,92	300,40
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc


  
Lương Ngọc Hương

Đoàn Thị Triệu Phước

Nguyễn Long

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**  
Năm 2012

Đơn vị tính: VNI

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	50.283.793.099	37.712.847.844
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	477.062.326	177.893.147
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	49.806.730.773	37.534.954.697
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	39.222.975.764	25.584.582.409
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.583.755.009	11.950.372.288
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	1.590.627.196	1.388.837.296
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	449.363.257	1.390.006.584
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		448.302.688	1.350.068.632
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	11.578.409.832	14.990.854.046
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		146.609.116	(3.041.651.046)
11. Thu nhập khác	31	VI.8	705.068.424	1.274.747.593
12. Chi phí khác	32	VI.9	41.348.845	66.607.001
13. Lợi nhuận khác	40		663.719.579	1.208.140.592
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		810.328.695	(1.833.510.454)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10		208.373.759
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		810.328.695	(2.041.884.213)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

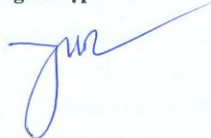
011729-C  
CÔNG TY  
NHỆM HỮU HẠN  
VỤ TƯ VẤN  
KẾ TOÁN  
KIỂM TOÁN  
LIÊN NAM  
TP. HỒ CHÍ MINH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





  
M.S.D.N.03028264  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
KASATI  
QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

  
Lương Ngọc Hương

Đoàn Thị Triệu Phước

Nguyễn Long

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		<b>810.328.695</b>	<b>(1.833.510.454)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ	02		1.198.227.949	1.692.499.155
- Các khoản dự phòng	03			(842.100.633)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		826.072	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.590.627.196)	(1.301.918.030)
- Chi phí lãi vay	06		448.302.688	1.350.068.632
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>867.058.208</b>	<b>(934.961.330)</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.606.029.311	11.033.832.245
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		270.883.399	(89.499.407)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.535.300.250	5.752.778.561
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		401.191.026	(2.399.139.660)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(448.302.688)	(1.350.068.632)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.663.703.381)	(158.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		293.165.927	569.791.740
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(778.247.625)	(2.408.568.040)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>5.083.374.427</b>	<b>10.016.165.477</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác.	21		(440.354.727)	(1.299.392.129)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác.	22		678.636.364	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.406.859.002)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(245.000.000)	(465.272.800)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.590.627.196	758.828.548
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>177.049.831</b>	<b>(1.005.836.381)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			8.611.577.457
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5.611.577.457)	(11.661.886.982)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(933.187.687)	(4.409.774.313)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(6.544.765.144)</b>	<b>(7.460.083.838)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(1.284.340.886)</b>	<b>1.550.245.258</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.366.474.931	2.816.261.932
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		(826.072)	(32.259)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>3.081.307.973</b>	<b>4.366.474.931</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đoàn Thị Triệu Phước

Nguyễn Long



Lương Ngọc Hương



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Năm 2012

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI là doanh nghiệp được chuyển đổi theo Quyết định số 470/QĐ-TCBD ngày 07 tháng 6 năm 2002 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Bưu điện (nay là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam) về việc chuyển Xí nghiệp Khoa học sản xuất thiết bị thông tin II thành Công ty cổ phần. Công ty đăng ký kinh doanh lần đầu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302826473 (số cũ là 4103001330) ngày 02 tháng 12 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội, từ ngày 29 tháng 12 năm 2010. Mã chứng khoán : KST

Trụ sở hoạt động : 270A Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh.

#### Các đơn vị trực thuộc

- + Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử  
104 Hoàng Văn Thái, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội  
Mã số thuế: 0302826473-001
- + Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử tại Đà Nẵng  
23 Duy Tân, Phường Hoà Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng  
Mã số thuế: 0302826473-002
- + Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần kasati  
08 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội

Công Ty con : 01 công ty

Tên Công ty : CÔNG TY CP DỊCH VỤ TRỢ GIÚP THƯƠNG MAI KHANG AN  
Địa chỉ : 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, Quận 10, TP.HCM  
Giấy phép thành lập : Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008572 ngày 27 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.  
Tỷ lệ quyền biểu quyết : 52,17%  
Tỷ lệ lợi ích : 52,17%

#### Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất và lắp ráp các loại thiết bị viễn thông, điện tử, tin học và kinh doanh phần mềm tin học. Xây lắp, bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị viễn thông, tin học và điện tử. Chuyển giao công nghệ ngành viễn thông, tin học và điện tử. Kinh doanh vật tư, thiết bị và sản phẩm ngành viễn thông, tin học và điện tử. Dịch vụ viễn thông, tin học công cộng trong nước và quốc tế. Xác định tình trạng kỹ thuật thiết bị viễn thông, tin học và điện tử. Xây dựng các công trình viễn thông, tin học và điện tử. Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Lắp đặt, bảo trì, sửa chữa hệ thống điện lạnh, điện công nghiệp và dân dụng, hệ thống viễn thông, mạng máy tính (trừ tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Sửa chữa nhà. Trang trí nội thất, ngoại thất. Cho thuê nhà ở, văn phòng. Mua bán vật tư thiết bị điện, máy phát điện, hàng điện lạnh. Mua bán, bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô, xe có động cơ, xe gắn máy, máy móc - phụ tùng - các bộ phận phụ trợ của xe ô tô, xe gắn máy, máy móc ngành xây dựng.

Cho thuê thiết bị mạng - viễn thông - tin học - điện - điện tử và điện lạnh. Mua bán vật liệu xây dựng. Tư vấn xây dựng (trừ kinh doanh dịch vụ thiết kế công trình, giám sát thi công và khảo sát xây dựng). Tư vấn lập dự án đầu tư. Tư vấn đấu thầu. Lập tổng dự toán, dự toán công trình. Quản lý dự án. Kiểm định chất

lượng công trình xây dựng (đánh giá sự cố, lập phương án xử lý). Sản xuất, gia công và lắp đặt các sản phẩm cơ khí, trụ thápăng ten (không hoạt động tại trụ sở). Môi giới thương mại. Cho thuê kho bãi. Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô, vận chuyển hàng khách bằng ô tô theo hợp đồng. Cung cấp dịch vụ truy nhập Internet (ISP), cung cấp các dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông (OSP). Bổ sung: Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng - công nghiệp. Thiết kế hệ thống hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng - công nghiệp. Giám sát lắp đặt thiết bị công nghệ thông tin liên lạc. Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan: Điện và điện tử; công nghiệp và hệ thống, kỹ thuật an toàn.

## **II. KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG**

### **1. Kỳ kế toán,**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán của Bộ Tài Chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám Đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán của Bộ Tài Chính các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ

### **4. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG:**

### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Theo thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng đôla Mỹ theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bình quân của các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài



chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

### **3. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, được lập dự phòng theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính, như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 1 năm;
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm;
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm;
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### **4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp:

- Nguyên vật liệu tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước
- Thành phẩm tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường

Chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ cho mỗi đơn vị sản phẩm theo sản lượng thành phẩm sản xuất trong kỳ (tháng).

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình :**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hoá thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xoá sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả kinh doanh.



Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 13 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 04 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 04 năm

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình :**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm:  
+ Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

**7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

**8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm

+ Chi phí sửa chữa : Chi phí sửa chữa văn phòng, xe ô tô được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 02 năm.

+ Công cụ, dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

+ Chi phí thuê văn phòng: Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời gian thuê

**9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.



#### 10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### 11. Nguyên tắc trích lập quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

#### 12. Nguyên tắc ghi nhận vốn kinh doanh

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

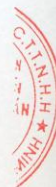
Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

- Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Nguyên tắc trích lập quỹ : Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

Các quỹ trích lập	Mục đích
Quỹ đầu tư phát triển	Bổ sung vốn kinh doanh của Công ty, mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty. Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế 17%.
Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,...Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế 5%.
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Tỷ lệ trích lập theo Biên bản họp HĐQT cổ đông.
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Được dùng để chi cho các hoạt động xã hội, từ thiện như chi giữ gìn an ninh trật tự, nuôi dạy trẻ khuyết tật, ủng hộ đồng bào thiên tai, người nghèo,..Tỷ lệ trích lập theo Nghị Quyết đại hội cổ đông hàng năm.



### 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

- Thuế thu nhập hiện hành



Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 25%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30% theo Thông tư 140/2012/TT-BTC ngày 21/08/2012 của Bộ Tài Chính.

- Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

## 16. Tài sản tài chính

### Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

### Các khoản cho vay và phải thu



Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### **Tài sản tài chính sẵn sàng để bán**

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

#### **Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính**

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### **17. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### **Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một

hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

#### **Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ**

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính

#### **Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính**

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

#### **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### **Công cụ tài chính phức hợp**

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và

- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### **18. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### **19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

Công ty sau đây được xem là bên có liên quan

<b>Công ty</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Quan hệ</b>
CÔNG TY CP TRỢ GIÚP THƯƠNG MẠI KHANG AN	Việt Nam	Công ty con

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**  
**Năm 2012**

Đơn vị tính: VND

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tiền mặt</b>	<b>30.869.299</b>	<b>8.337.090</b>
Tiền mặt VND	30.869.299	8.337.090
Ngoại tệ		
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>3.050.438.674</b>	<b>4.358.137.841</b>
<b>Tiền gửi VND</b>	<b>3.040.984.428</b>	<b>4.352.805.037</b>
+ NH TMCP Hàng Hải VN-CN HCM	358.371.470	2.190.476.882
+ NH TMCP Công Thương VN-CN HCM	1.284.726.901	1.997.982.869
+ NH TMCP Công Thương VN-CN HCM		1.627.432
+ NH TMCP Quốc Tế (VIB)- CN Q.5	1.397.886.057	162.717.854
<b>Tiền gửi ngoại tệ USD</b>	<b>USD 9.454.246</b>	<b>5.332.804</b>
+ NH TMCP Công Thương VN-CN HCM	81,33 1.693.941	3.840.089
+ NH TMCP Hàng Hải VN-CN HCM	372,59 7.760.305	1.492.715

**Các khoản tương đương tiền**

<b>Cộng</b>	<b><u>3.081.307.973</u></b>	<b><u>4.366.474.931</u></b>
-------------	-----------------------------	-----------------------------

**02. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng</b>		
+ NH TMCP Hàng Hải VN-CN HCM	27.009.675	
+ NH TMCP Hàng Hải VN-CN HCM	70.000.000	
+ NH TMCP Quốc Tế (VIB)- CN Q.5	1.309.849.327	
<b>Cộng</b>	<b><u>1.406.859.002</u></b>	

**03. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng của Trụ sở chính tại Tp.HCM	32.031.951.075	33.388.844.189
<b>Cộng</b>	<b><u>32.031.951.075</u></b>	<b><u>33.388.844.189</u></b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**  
**Năm 2012**

Đơn vị tính: VND

**04. PHẢI THU NỘI BỘ**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi nhánh Hà Nội	12.783.837.851	11.103.202.028
Chi nhánh Đà Nẵng	136.741.211	979.359.046
<b>Cộng</b>	<b><u>12.920.579.062</u></b>	<b><u>12.082.561.074</u></b>

**05. PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng hoá, vật tư ứng cứu	1.068.919.605	1.234.459.070
Ứng trước thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	53.000.000	343.360.000
BHXX nộp thừa (Trụ sở chính Tp.HCM)	54.719.382	4.720.533
Cổ tức được chia	240.000.000	1.038.453.381
Các khoản phải thu khác	103.442.279	49.442.279
<b>Cộng</b>	<b><u>1.520.081.266</u></b>	<b><u>2.670.435.263</u></b>

**06. HÀNG TỒN KHO**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	7.836.170.035	7.588.201.377
Công cụ, dụng cụ	91.204.463	95.972.809
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	997.552.214	1.537.256.302
Thành phẩm	610.377.067	584.756.690
<b>Cộng</b>	<b><u>9.535.303.779</u></b>	<b><u>9.806.187.178</u></b>

**07. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công cụ dụng cụ	17.558.444	30.117.278	31.577.848	16.097.874
Sửa chữa	75.009.319		68.814.697	6.194.622
Bảo hiểm	93.737.919	148.453.485	174.745.591	67.445.813
<b>Cộng</b>	<b><u>186.305.682</u></b>	<b><u>178.570.763</u></b>	<b><u>275.138.136</u></b>	<b><u>89.738.309</u></b>

**08. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	817.022.900	1.103.179.100
Các khoản cầm cố, ký quỹ ngắn hạn (*)	1.066.064.247	1.551.145.945
<b>Cộng</b>	<b><u>1.883.087.147</u></b>	<b><u>2.654.325.045</u></b>

(\*) Trong đó có khoản ký quỹ tại Công ty Cổ phần Tài chính Bưu điện 800 triệu đồng để nhận được hạn mức bảo lãnh 8 tỷ đồng từ Công ty này .

CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI - VẠN PHÒNG CÔNG TY  
270A Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**VẠN PHÒNG CÔNG TY**  
**NĂM 2012**

Đơn vị tính: VND

**09. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tài, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản có định khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số dư đầu năm	8.271.336.000	24.937.783.878	3.342.732.186	1.934.480.806	458.972.490	38.945.305.360
2. Số tăng trong kỳ		270.657.000		169.697.727		440.354.727
- Mua sắm mới						
3. Số giảm trong kỳ		(109.908.400)	(1.259.255.317)	(26.866.666)		(1.369.163.717)
- Thanh lý, nhượng bán						(26.866.666)
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ	8.271.336.000	25.098.532.478	2.083.476.869	2.077.311.867	458.972.490	37.989.629.704
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm	8.271.336.000	23.077.914.344	3.005.154.252	1.316.768.285	442.733.395	36.113.906.276
2. Số tăng trong kỳ		428.417.893	275.291.978	464.535.202	16.239.095	1.184.484.168
- Khấu hao trong năm						
3. Số giảm trong kỳ		(109.908.400)	(1.259.255.317)	(26.866.666)		(1.396.030.383)
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ	8.271.336.000	23.396.423.837	2.021.190.913	1.754.436.821	458.972.490	35.902.360.061
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm		1.859.869.534	337.577.934	617.712.521	16.239.095	2.831.399.084
Tại ngày cuối kỳ		1.702.108.641	62.285.956	322.875.046		2.087.269.643

- Một số TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay  
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

**32.856.777.310 VND**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải đọc-cung với báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI - VĂN PHÒNG CÔNG TY  
270A Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**  
**NĂM 2012**

Đơn vị tính: VND

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số dư đầu năm				36.365.959		36.365.959
2. Số tăng trong kỳ						
- Mua sắm mới						
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
3. Số giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
4. Số dư cuối kỳ				36.365.959		36.365.959
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm				22.622.178		22.622.178
2. Số tăng trong kỳ						
- Khấu hao trong năm				13.743.781		13.743.781
3. Số giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
4. Số dư cuối kỳ				36.365.959		36.365.959
<b>III. Giá trị còn lại</b>				13.743.781		13.743.781
Tại ngày đầu năm				13.743.781		13.743.781
Tại ngày cuối kỳ				13.743.781		13.743.781

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải đọc cùng với báo cáo tài chính

305011  
CÔNG  
TRÁCH NHIỆM  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHIA N  
- TP. H

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**  
**Năm 2012**

Đơn vị tính: VND

**11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Tỷ lệ góp vốn (%)	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Đầu tư vào công ty con (*)</b>			
- Công ty CP DV Trợ giúp TM Khang An	52,17	4.800.000.000	4.800.000.000
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>			
<b>Đầu tư dài hạn khác (*)</b>			
- Công ty CP Năng lượng Kasati	37,40	245.000.000	
<b>Cộng</b>		<b>5.045.000.000</b>	<b>4.800.000.000</b>

(\*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008572 ngày 27 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Kasati góp vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ trợ giúp thương mại Khang An là 4.800.000.000 VND tương đương 52,17% vốn thực góp.

(\*\*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311926139 ngày 13 tháng 08 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Kasati đăng ký góp vốn vào Công ty Cổ phần Năng lượng Kasati là 2.450.000.000 VND tương đương 49% vốn đăng ký. Năm 2012, Công ty CP Kasati đã góp vốn 10% vốn đăng ký. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Vốn góp của các cổ đông là 655.000.000 đồng và Công ty CP Kasati thực góp theo tỷ lệ 37,4%.

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào	Số cuối năm
			chi phí SXKD trong năm	
Chi phí sửa chữa	1.302.502.143	109.753.300	(590.836.670)	821.418.773
Công cụ dụng cụ	935.135.743	165.160.853	(459.815.269)	640.481.327
Đào tạo	135.475.300	171.937.926	(125.161.760)	182.251.466
Khác		424.337.967		424.337.967
<b>Cộng</b>	<b>2.373.113.186</b>	<b>871.190.046</b>	<b>(1.175.813.699)</b>	<b>2.068.489.533</b>

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>- Vay ngắn hạn (*)</b>		<b>5.611.577.457</b>
+ Ngân hàng TMCP hàng hải Việt Nam - CN. TP.HCM		5.611.577.457
<b>- Nợ dài hạn đến hạn trả</b>		
<b>- Vay cá nhân</b>		
<b>Cộng</b>		<b>5.611.577.457</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**  
**Năm 2012**

Đơn vị tính: VND

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp cho Trụ sở chính (Tp.Hồ Chí Minh)	6.771.167.124	3.764.621.658
<b>Cộng</b>	<b><u>6.771.167.124</u></b>	<b><u>3.764.621.658</u></b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng	582.343.691	4.631.511.169	(4.602.288.139)	611.566.721
- Thuế xuất, nhập khẩu		47.066.802	(2.997.149)	44.069.653
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.663.703.381		(1.663.703.381)	
- Thuế thu nhập cá nhân		309.907.352	(282.963.664)	26.943.688
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	300.000.000	3.546.948.933	(3.846.948.933)	
<b>Cộng</b>	<b><u>2.546.047.072</u></b>	<b><u>8.535.434.256</u></b>	<b><u>(10.398.901.266)</u></b>	<b><u>682.580.062</u></b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**Tiền thuê đất :** Căn cứ vào Quyết định số 3253/QĐ-UB ngày 31 tháng 5 năm 2001 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tp.Hồ Chí Minh và Biên bản giao nhận số 308/2004/CV-BDA C30 ngày 06 tháng 10 năm 2004 về việc thuê đất đối với diện tích 19.364,30 m2 đất tại số 270A Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2012, Công ty nộp tiền thuê đất Theo thông báo tạm tính số 1301 ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Chi cục thuế quận 10, tổng diện tích thuê đất 1.9364,30 m2.

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo dưỡng, khảo sát lắp đặt	2.285.745.349	221.190.000
Chi phí công trình		
Chi phí khác		
<b>Cộng</b>	<b><u>2.285.745.349</u></b>	<b><u>221.190.000</u></b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**  
**Năm 2012**

Đơn vị tính: VND

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội		
Kinh phí công đoàn	25.633.200	34.680.000
Cổ tức phải trả		933.187.687
Phải trả Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	1.622.492.385	1.622.492.385
Phải trả chi phí các công trình	7.061.837.934	7.309.791.886
Nhận ký quỹ (tiền thuê mặt bằng)	458.100.000	
Phải trả khác	122.846.587	255.266.587
<b>Cộng</b>	<b><u>9.290.910.106</u></b>	<b><u>10.155.418.545</u></b>

**18. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Trích từ lợi nhuận</u>	<u>Chi trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	638.256.096	20.000.000	640.600.000	17.656.096
Quỹ phúc lợi	220.993.000	321.076.148	416.500.000	125.569.148
<b>Cộng</b>	<b><u>859.249.096</u></b>	<b><u>341.076.148</u></b>	<b><u>1.057.100.000</u></b>	<b><u>143.225.244</u></b>

305011729  
CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU  
HẠN  
TỊCH VỤ TƯ VẤN  
CHÍNH KẾ TÍNH  
VÀ KIỂM TOÁN  
PHÍA NAM  
TP. HỒ CHÍ MINH

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**VẠN PHÒNG CÔNG TY**  
Năm 2012

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị tính: VND

**a. Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc Vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu kỳ trước</b>	29.960.100.000	9.980.050.000	7.366.860.762	1.486.712.202	19.229.003	7.822.953.733	56.635.905.700
+ Lãi/lỗ trong kỳ trước						1.578.829.148	1.578.829.148
+ Trích lập các quỹ			1.307.406.046	391.147.687			1.698.553.733
+ Giảm do trích lập các quỹ						(3.148.553.733)	(3.148.553.733)
+ Chia cổ tức						(4.194.400.000)	(4.194.400.000)
+ Thù lao HĐQT, BKS, thường						(480.000.000)	(480.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	29.960.100.000	9.980.050.000	8.674.266.808	1.877.859.889	19.229.003	1.578.829.148	52.090.334.848
<b>Số dư đầu kỳ này</b>	29.960.100.000	9.980.050.000	8.674.266.808	1.877.859.889	19.229.003	1.578.829.148	52.090.334.848
+ Lãi trong kỳ						810.328.695	810.328.695
+ Lợi nhuận của đơn vị trực thuộc				60.341.457		(395.947.605)	(335.606.148)
+ Trích lập các quỹ						(344.420.000)	(344.420.000)
+ Thù lao HĐQT, BKS, thường							
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	29.960.100.000	9.980.050.000	8.674.266.808	1.938.201.346	19.229.003	1.648.790.238	52.220.637.395



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**  
**Năm 2012**

Đơn vị tính: VND

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>%</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>%</u>
Vốn góp của Nhà nước	10.150.000.000	33,88%	10.150.000.000	33,88%
Vốn góp của các đối tượng khác	19.810.100.000	66,12%	19.810.100.000	66,12%
<b>Cộng</b>	<b>29.960.100.000</b>	<b>100%</b>	<b>29.960.100.000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	29.960.100.000	29.960.100.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	29.960.100.000	29.960.100.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

**d) Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.996.010	2.996.010
- Cổ phiếu phổ thông	2.996.010	2.996.010
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.996.010	2.996.010
- Cổ phiếu phổ thông	2.996.010	2.996.010
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: <b>10.000 đồng/ cổ phiếu</b>		

**đ) Các quỹ của doanh nghiệp**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	8.674.266.808	8.674.266.808
- Quỹ dự phòng tài chính	1.938.201.346	1.877.859.889
<b>Cộng</b>	<b>10.612.468.154</b>	<b>10.552.126.697</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**  
**Năm 2012**

Đơn vị tính: VND

**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ**  
**VI. KINH DOANH**

**1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hoá		3.925.342.595
Doanh thu cung cấp dịch vụ	50.283.793.099	33.787.505.249
<b>Cộng</b>	<u><b>50.283.793.099</b></u>	<u><b>37.712.847.844</b></u>

**2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giảm giá hàng bán	477.062.326	175.913.147
Hàng bán bị trả lại		1.980.000
<b>Cộng</b>	<u><b>477.062.326</b></u>	<u><b>177.893.147</b></u>

**3. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hoá		3.925.342.595
Doanh thu cung cấp dịch vụ	49.806.730.773	33.609.612.102
<b>Cộng</b>	<u><b>49.806.730.773</b></u>	<u><b>37.534.954.697</b></u>

**4. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của dịch vụ cung cấp	39.222.975.764	25.584.582.409
<b>Cộng</b>	<u><b>39.222.975.764</b></u>	<u><b>25.584.582.409</b></u>

**5. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi ngân hàng	390.627.196	187.111.529
- Cổ tức, lợi nhuận được chia 25% Kasaco	1.200.000.000	1.186.389.767
- Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		15.336.000
<b>Cộng</b>	<u><b>1.590.627.196</b></u>	<u><b>1.388.837.296</b></u>

**6. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí lãi vay ngân hàng	448.302.688	1.350.068.632
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	826.072	
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	234.497	39.937.952
<b>Cộng</b>	<u><b>449.363.257</b></u>	<u><b>1.390.006.584</b></u>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Năm 2012

### 7. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên	5.553.000.951	5.887.751.403
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	934.411.511	813.664.330
- Chi phí đồ dùng văn phòng		418.177.813
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	237.218.273	376.480.131
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.302.666.229	2.212.747.833
- Chi phí khác	2.551.112.868	5.282.032.536
<b>Cộng</b>	<b><u>11.578.409.832</u></b>	<b><u>14.990.854.046</u></b>

### 8. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Các khoản nợ không xác định được chủ		1.003.346.459
- Thu nhập khác		271.401.134
- Thanh lý tài sản cố định	678.636.364	
- Chênh lệch do thanh toán	32.060	
- Thu tiền căn teen	26.400.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>705.068.424</u></b>	<b><u>1.274.747.593</u></b>

### 9. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí lãi trả chậm Tập đoàn VNPT	18.579.323	-
- Chi phí khen thưởng theo Quyết định	18.000.000	-
- Chi phí phạt trả chậm	2.250	66.607.001
- Chi phí đăng báo thanh lý tài sản	4.767.272	-
<b>Cộng</b>	<b><u>41.348.845</u></b>	<b><u>66.607.001</u></b>

### 10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chỉ tiêu	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tổng lợi nhuận trước thuế	<b>810.328.695</b>	<b>1.787.202.907</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng	<b>108.477.419</b>	<b>8.605.596</b>
+ Chi ủng hộ Quận 10	5.000.000	8.605.596
+ Chi ủng hộ Hội doanh nghiệp	5.000.000	
+ Chi thù lao HĐQT	98.477.419	
- Các khoản điều chỉnh giảm	<b>1.200.000.000</b>	<b>2.031.460.240</b>
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.200.000.000	2.031.460.240
- Tổng thu nhập chịu thuế	<b>(281.193.886)</b>	<b>(235.651.737)</b>
- Thuế TNDN (25%)		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành		
- Thuế TNDN hoãn lại		<b>208.373.759</b>
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	<b><u>810.328.695</u></b>	<b><u>1.578.829.148</u></b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**  
**Năm 2012**

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. ÁP DỤNG QUY ĐỊNH KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát sinh các công cụ tài chính phức hợp, hơn nữa về mặt kế toán, Công ty đang trong quá trình chuẩn bị cho việc trình bày công cụ tài chính theo chuẩn mực kế toán này.

**2. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên chủ chốt  
+ Năm 2012 : 1.458.375.274 VND

**2. Thông tin về các bên liên quan**

**Các bên liên quan với công ty bao gồm**

**Các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan, gồm:**

- Các thành viên Hội đồng Quản trị
- Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
- Kế toán trưởng
- Và các thành viên có liên quan khác theo quy định của pháp luật

**Bên liên quan (tổ chức)**

- Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Trợ giúp Thương mại Khang An
- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng Lượng Kasati

**Mối quan hệ**

- Cổ đông đại diện vốn Nhà nước
- Công ty con
- Cổ đông lớn
- Công ty đầu tư góp vốn

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Năm 2012

Các giao dịch phát sinh với các bên liên quan trong kỳ

a. Trong năm 2012, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>- Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam</b>		
+ Chi hộ		29.000.000
+ Phải trả tiền thuê đất	600.000.000	300.000.000
+ Trả lãi trả chậm	18.579.323	
<b>- Công ty Cổ phần Dịch vụ Trợ giúp Thương mại Khang An</b>		
+ Cho thuê mặt bằng	825.824.280	361.200.840
+ Góp vốn		465.272.800
+ Nhận cổ tức 25% năm 2012	1.200.000.000	
+ Mượn tiền bổ sung vốn lưu động	150.000.000	
+ Cung cấp dịch vụ lao động cho kasati	270.000.000	
<b>- Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng Lượng Kasati</b>		
+ Thuê mặt bằng	28.808.500	
+ Góp vốn	245.000.000	
<b>- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện</b>		
+ Cung cấp dịch vụ	147.092.394	

b. Tại ngày 31/12/2012 các khoản công nợ với các bên liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>- Phải trả Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam</b>		
+ Phải trả tiền mua thiết bị	1.622.492.385	1.622.492.385
+ Phải trả tiền thuê đất		300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.622.492.385</b>	<b>1.922.492.385</b>
<b>- Phải thu Công ty Cổ phần Dịch vụ Trợ giúp Thương mại Khang An</b>		
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
+ Phải thu cổ tức	240.000.000	1.038.453.381
+ Phải thu tiền thuê văn phòng, điện, nước		22.852.610
<b>Cộng</b>	<b>240.000.000</b>	<b>1.061.305.991</b>

### 3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo Tài chính nội bộ của Công ty. Trong phạm vi báo cáo của Văn phòng Công ty, Công ty không trình bày mà sẽ trình bày trên báo cáo tổng hợp.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**  
**Năm 2012**

**4. Thuê hoạt động**

Công ty còn phải nộp tiền thuê đất hàng năm cho diện tích 19.364,30 m<sup>2</sup> đất đang sử dụng tạo số 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10. Tp.Hồ Chí Minh. Đơn giá thuê đất hàng năm được thực hiện theo thông báo của Chi cục thuế quận 10.

**5. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 là số liệu trên Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 chuyển sang, số liệu này do đơn vị lập và đã được đối chiếu với Báo cáo kiểm toán tổng hợp của Công ty và các chi nhánh của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011; được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư vấn (A&C).

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Đoàn Thị Triệu Phước

Kế Toán Trưởng

Nguyễn Long

Tổng Giám Đốc



Lương Ngọc Hương